

Số: 1013/QĐ-TCĐCN

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận tốt nghiệp cao đẳng đợt II năm 2024**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP THANH HOÁ**

Căn cứ Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-TCĐCN ngày 29/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa về việc ban hành Quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Kết quả quá trình học tập và thi tốt nghiệp của sinh viên trình độ cao đẳng năm 2024; Biên bản của Hội đồng thi tốt nghiệp ngày 06 tháng 12 năm 2024;

Theo đề nghị của Hội đồng thi tốt nghiệp đợt II năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**


**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cao đẳng cho **98 sinh viên**, gồm các nghề:

- |   |              |
|---|--------------|
| 1. Công nghệ ô tô                           | 37 sinh viên |
| 2. Điện công nghiệp                         | 24 sinh viên |
| 3. Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí: | 16 sinh viên |
| 4. Điện tử công nghiệp                      | 02 sinh viên |
| 5. Công nghệ thông tin                      | 13 sinh viên |
| 6. Hàn                                      | 03 sinh viên |
| 7. Cắt gọt kim loại                         | 01 sinh viên |
| 8. May thời trang                           | 02 sinh viên |

Trong đó: Giỏi 18 sinh viên, đạt tỷ lệ 18,4 %; Khá 63 sinh viên, đạt tỷ lệ 64,3%

(Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) trưởng phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, trưởng các đơn vị liên quan, giáo viên chủ nhiệm và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

**Nơi nhận:**

- BGH (báo cáo);
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, ĐTCTHSSV.

**HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Hoàng Anh Tuấn**



**DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG TỐT NGHIỆP ĐỢT II NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số: 1013/QĐ-TCĐCN, ngày 06 tháng 12 năm 2024)

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm				Xếp loại	Ghi chú	
				ĐTB	ĐTNLT	ĐTNTH	ĐTN			
<b>A</b>	<b>Công nghệ ô tô</b>									
<b>I</b>	<b>Lớp C16 - Ô tô 1</b>									
1.	Đình Văn	Câu	24/02/2002	Thanh Hóa	7.5	8.0	8.0	7.8	Khá	
2.	Trịnh Văn	Hiệu	22/11/2002	Thanh Hóa	7.4	8.0	7.5	7.5	Khá	
3.	Trần Xuân	Nam	23/9/2002	Thanh Hóa	7.2	7.5	8.0	7.5	Khá	
4.	Nguyễn Văn	Quân	05/9/2002	Thanh Hóa	8.0	8.5	8.5	8.2	Giỏi	
5.	Trịnh Đình	Tuấn	05/12/1997	Thanh Hóa	7.9	8.5	9.0	8.4	Giỏi	
<b>II</b>	<b>C16-Ô tô LT3</b>									
1.	Phạm Xuân	Anh	09/12/1980	Thanh Hóa	7.5	8.5	8.0	7.8	Khá	
2.	Lê Trương	Đông	20/9/1990	Thanh Hóa	7.3	8.5	8.0	7.7	Khá	
3.	Đỗ Hùng	Phong	23/11/1988	Thanh Hóa	7.4	8.5	9.0	8.1	Giỏi	
4.	Nguyễn Đăng	Sáu	03/02/1981	Thanh Hóa	7.7	8.0	8.0	7.8	Khá	
5.	Vũ Đức	Sơn	07/9/1986	Thanh Hóa	7.9	8.0	8.0	7.9	Khá	
6.	Lại Duy	Thư	10/11/1982	Thanh Hóa	7.8	8.5	9.0	8.3	Giỏi	
7.	Nguyễn Văn	Tuấn	18/02/1980	Thanh Hóa	8.0	8.5	9.0	8.4	Giỏi	
<b>III</b>	<b>C17-Ô tô LT2</b>									
1.	Mai Thế	Anh	02/10/2005	Thanh Hóa	7.0	8.5	8.0	7.6	Khá	
2.	Phạm Tùng	Dương	08/02/2005	Thanh Hóa	6.6	7.0	7.5	7.0	Khá	
3.	Nguyễn Phạm Đức	Đạt	08/01/2005	Thanh Hóa	7.0	8.5	7.5	7.4	Khá	
4.	Vũ Minh	Huy	16/7/2005	Thanh Hóa	7.0	8.0	8.0	7.5	Khá	
5.	Nguyễn Văn	Huy	23/10/2005	Thanh Hóa	6.5	8.0	7.5	7.1	Khá	
6.	Hoàng Gia	Khánh	21/9/2005	Thanh Hóa	7.5	8.5	8.5	8.0	Giỏi	
7.	Nguyễn Hữu	Minh	31/8/2005	Thanh Hóa	7.1	8.5	8.0	7.6	Khá	

8.	Lê Nguyễn Hoài	Nam	19/6/2005	Thanh Hóa	6.6	7.5	7.5	7.0	Khá	
9.	Hoàng Sỹ	Nghĩa	19/6/2005	Thanh Hóa	7.4	7.5	8.5	7.8	Khá	
10.	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	12/3/2005	Thanh Hóa	7.7	8.5	8.5	8.1	Giỏi	
11.	Nguyễn Hữu Đại	Phú	22/3/2005	Thanh Hóa	7.5	8.5	8.5	8.0	Giỏi	
12.	Nguyễn Danh	Phúc	20/3/2005	Thanh Hóa	7.2	8.0	8.5	7.8	Khá	
13.	Dương Anh	Quân	26/10/2005	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0	7.4	Khá	
14.	Đào Xuân	Sơn	25/6/2005	Thanh Hóa	7.5	8.5	8.5	8.0	Giỏi	
15.	Nguyễn Văn	Tân	22/9/2005	Thanh Hóa	6.6	8.5	7.0	7.1	Khá	
16.	Nguyễn Văn	Thắng	29/12/2005	Thanh Hóa	6.8	7.5	7.0	7.0	Khá	
17.	Nguyễn Văn	Thống	27/7/2004	Thanh Hóa	6.6	6.0	7.0	6.6	Trung bình	
18.	Nguyễn Hữu	Trường	19/7/2005	Thanh Hóa	7.3	8.5	8.5	7.9	Khá	
<b>IV</b>	<b>C17-Ô tô LT3</b>									
1.	Lê Trí	Công	25/6/2005	Thanh Hóa	6.9	7.5	8.5	7.5	Khá	
2.	Đình Tiến	Đạt	26/7/2005	Phú Thọ	6.8	7.5	7.5	7.1	Khá	
3.	Nguyễn Nhật	Hoàng	06/12/2005	Thanh Hóa	6.7	8.0	8.5	7.5	Khá	
4.	Lê Nhân	Nam	10/12/2003	Thanh Hóa	6.9	8.5	8.0	7.6	Khá	
5.	Lê Văn	Quốc	19/11/2005	Thanh Hóa	6.5	7.5	7.5	7.0	Khá	
6.	Nguyễn Văn	Thuận	28/6/1983	Thanh Hóa	7.9	8.0	8.5	8.1	Khá	Hạ mức XL
7.	Vũ Văn	Tùng	12/11/2005	Thanh Hóa	6.6	7.5	7.0	6.9	Trung bình	
<b>B</b>	<b>Điện công nghiệp (Lớp C16 - Điện 1)</b>									
<b>I</b>	<b>C16-Điện 1</b>									
1.	Hoàng Ngọc Tuấn	Anh	27/6/2001	Thanh Hóa	7.0	8.0	7.5	7.3	Khá	
2.	Phạm Huy	Cường	29/8/2002	Thanh Hóa	6.9	8.5	6.0	6.9	Trung bình Khá	
3.	Nguyễn Minh	Đông	31/10/1999	Thanh Hóa	7.8	8.5	8.5	8.1	Giỏi	
4.	Lê Đức	Hải	20/11/2002	Thanh Hóa	7.3	8.0	8.5	7.8	Khá	
5.	Lê Đình	Khang	20/4/1999	Thanh Hóa	7.4	7.0	7.5	7.4	Khá	
6.	Nguyễn Tùng	Lâm	01/8/2003	Thanh Hóa	7.2	7.5	6.0	6.9	Trung bình Khá	
7.	Trần Nhật	Minh	02/11/2001	Thanh Hóa	6.9	7.0	7.0	7.0	Khá	
8.	Đào Đức	Quân	10/8/1999	Thanh Hóa	7.1	7.0	8.0	7.4	Khá	

9.	Phạm Bá	Quyền	28/4/2002	Thanh Hóa	7.3	7.5	8.0	7.6	Khá	
10.	Lê Văn	Thọ	10/11/2001	Thanh Hóa	8.3	8.5	9.0	8.6	Giỏi	
11.	Lê Anh	Trung	07/7/1980	Thanh Hóa	7.3	7.5	8.0	7.6	Khá	
12.	Trần Xuân	Trường	03/4/2003	Thanh Hóa	6.9	8.0	7.5	7.3	Khá	
13.	Hồ Sỹ	Việt	30/01/2002	Thanh Hóa	6.7	7.5	6.5	6.8	Trung bình Khá	
<b>II</b>	<b>C17-Điện LT2</b>									
1.	Nguyễn Đức	Cường	09/7/2005	Thanh Hóa	6.9	7.5	7.0	7.0	Khá	
2.	Võ Viết	Đức	18/11/2005	Thanh Hóa	7.0	8.5	8.0	7.6	Khá	
3.	Lê Thế	Mạnh	18/4/2005	Thanh Hóa	6.4	8.0	6.0	6.5	Trung bình	
4.	Quách Văn	Ninh	26/10/2005	Thanh Hóa	7.5	7.0	7.0	7.2	Khá	
5.	Dương Khắc	Tur	20/5/2005	Thanh Hóa	7.3	8.0	8.0	7.7	Khá	
<b>III</b>	<b>C17-Điện LT3</b>									
1.	Lê Đình	Cung	21/7/1998	Thanh Hóa	6.3	7.5	6.0	6.4	Trung bình	
2.	Nguyễn Thanh	Dương	13/10/2005	Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0	7.4	Khá	
3.	Đình Thành	Đức	28/10/2003	Thanh Hóa	5.8	6.5	5.0	5.7	Trung bình	
4.	Hà Văn	Hữu	05/7/1987	Thanh Hóa	7.0	8.0	8.0	7.5	Khá	
5.	Lê Trương	Sinh	14/01/1989	Thanh Hóa	8.4	8.5	9.0	8.6	Giỏi	
6.	Lê Văn	Tùng	21/3/2004	Thanh Hóa	7.1	7.5	7.5	7.3	Khá	
<b>C</b>	<b>Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí Lớp</b>									
<b>I</b>	<b>C16-Điện lạnh 1</b>									
1.	Phạm Văn	Dương	27/10/2000	Thanh Hóa	7.7	8.5	9.0	8.3	Giỏi	
2.	Hà Đình	Diện	29/7/2003	Thanh Hóa	7.1	8.0	8.5	7.7	Khá	
3.	Nguyễn Văn	Hiệu	04/7/2000	Thanh Hóa	7.4	7.5	8.5	7.8	Khá	
4.	Lê Gia	Hòa	25/6/1998	Thanh Hóa	7.4	8.0	8.5	7.9	Khá	
5.	Nguyễn Khắc	Huy	24/6/2003	Thanh Hóa	7.2	7.0	7.5	7.3	Khá	
6.	Ngô Thọ	Quân	27/8/2002	Thanh Hóa	7.0	7.0	7.5	7.1	Khá	
<b>II</b>	<b>C17-Điện lạnh LT2</b>									
1.	Phạm Hoàng	Anh	27/12/2005	Thanh Hóa	7.0	6.5	7.0	6.9	Trung bình	
2.	Lê Viết	Anh	01/10/2005	Thanh Hóa	7.2	8.0	7.0	7.3	Khá	

3.	Nguyễn Việt Cường	22/7/2005	Thanh Hóa	6.8	8.0	7.0	7.1	Khá	
4.	Nguyễn Tiến Đạt	01/5/2005	Thanh Hóa	7.1	7.0	7.5	7.2	Khá	
5.	Lê Nhật Minh	29/4/2005	Thanh Hóa	6.6	7.5	6.5	6.7	Trung bình	
6.	Nguyễn Sỹ Đức Minh	02/10/2005	Thanh Hóa	7.3	6.5	7.5	7.2	Khá	
7.	Nguyễn Văn Minh	13/3/2005	Thanh Hóa	6.4	6.5	7.5	6.8	Trung bình	
8.	Đỗ Quý Ngọc	04/6/2005	Thanh Hóa	6.7	7.0	6.5	6.7	Trung bình	
9.	Lê Văn Quân	14/8/2005	Thanh Hóa	7.0	7.5	7.0	7.1	Khá	
10.	Lê Văn Vũ	14/01/2005	Thanh Hóa	7.7	7.0	8.5	7.8	Khá	
<b>D</b>	<b>Điện tử công nghiệp (Lớp C17 - Điện tử LT)</b>								
1.	Nguyễn Khánh Toàn	22/8/2005	Thanh Hóa	7.6	7.0	8.0	7.6	Khá	
2.	Nguyễn Trịnh Lưu Thiện	20/10/2005	Thanh Hóa	8.2	8.5	9.0	8.5	Giỏi	
<b>E</b>	<b>Công nghệ thông tin (U'DPM)</b>								
<b>I</b>	<b>Lớp C16- CNTT1</b>								
1.	Đỗ Văn Chiến	10/10/1998	Thanh Hóa	8.0	6.5	8.5	7.9	Khá	
2.	Lương Thị Huyền	29/5/1998	Thanh Hóa	7.1	8.0	6.5	7.1	Khá	
3.	Nguyễn Đức Hiếu	02/10/2003	Thanh Hóa	6.6	5.0	5.5	6.0	Trung bình Khá	
4.	Nguyễn Hữu Quân	08/01/2000	Thanh Hóa	8.0	7.5	8.5	8.1	Giỏi	
5.	Phạm Văn Quân	25/11/2003	Thanh Hóa	7.4	8.0	6.5	7.2	Khá	
<b>II</b>	<b>C17-CNTT LT</b>								
1.	Nguyễn Quỳnh Liên	09/10/2005	Thanh Hóa	6.8	8.0	6.0	6.7	Trung bình	
2.	Hà Thị Lụa	27/01/2004	Thanh Hóa	6.9	7.5	6.5	6.9	Trung bình	
3.	Đình Quốc Minh	11/01/2005	Thanh Hóa	6.8	6.0	5.0	6.0	Trung bình	
4.	Nguyễn Văn Triệu	23/7/2005	Thanh Hóa	7.2	6.5	8.5	7.5	Khá	
5.	Trần Xuân Trường	22/9/2005	Thanh Hóa	7.5	6.5	7.5	7.3	Khá	
<b>II</b>	<b>C17-CNTT LT 2</b>								
1.	Trần Thị Thu An	23/10/2004	Thanh Hóa	6.6	6.0	5.0	6.0	Trung bình	
2.	Dương Trung Quốc	08/9/2005	Thanh Hóa	7.1	6.5	7.5	7.2	Khá	
3.	Nguyễn Phạm Thanh Tùng	12/10/2002	Thanh Hóa	8.1	6.0	8.5	7.9	Khá	

<b>F</b>	<b>Cắt gọt kim loại (Lớp C17-CGKL LT)</b>									
1.	Lê Đình	Hiệu	29/01/2005	Thanh Hóa	7.4	8.5	9.0	8.1	Giỏi	
<b>G</b>	<b>Hàn</b>									
<b>I</b>	<b>C17-Hàn LT</b>									
1.	Lê Nhân	Quyền	18/8/2004	Thanh Hóa	7.2	8.5	7.5	7.5	Khá	
<b>II</b>	<b>C17-Hàn LT 2</b>									
1.	Lê Hùng	Anh	21/11/2004	Thanh Hóa	7.3	9.0	7.5	7.7	Khá	
2.	Nguyễn Hoàng Khắc	Hưng	09/9/2005	Thanh Hóa	7.7	8.0	8.5	8.0	Khá	<b>Hạ mức XL</b>
<b>H</b>	<b>May thời trang</b>									
<b>I</b>	<b>C17-May LT</b>									
1.	Nguyễn Thị Quỳnh	Lương	22/11/2005	Thanh Hóa	7.9	8.0	9.0	8.3	Giỏi	
<b>II</b>	<b>C17-May LT 2</b>									
1.	Nguyễn Thị	Ly	15/9/2005	Thanh Hóa	7.8	7.5	8.5	8.0	Giỏi	

**Ghi chú: 02 sinh viên có môn học, mô đun thi lại hoặc học lại, bị giảm đi một mức xếp loại tốt nghiệp (Giỏi xuống Khá)**

**(Ấn định danh sách này gồm 98 sinh viên)**